

Bản án số: **292/2024/DS-ST**
Ngày: 29/11/2024
V/v T/C Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kịch.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29/11/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 437/2024/TLST-DS, ngày 16/10/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2024/QĐXXST-DS ngày 08/11/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 405/TB-TA ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Diễm T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Phạm Hữu D**, sinh năm 1984 (có mặt).

Bà **Đoàn Thị N**, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diễm T trình bày: Bà T làm chủ hui, ông D và bà N là hui viên, ông D, bà N có tham gia của bà T 05 dây hui tháng, sau khi hốt hui xong ông D, bà N không đóng hui chết cho bà T đầy đủ, cụ thể như sau:

* Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 29/3/2020 âm lịch, bà T mở 04 dây, mỗi dây có 21 phần, ông D, bà N tham gia mỗi dây 01 phần (để tên chị hai N hoặc Lọ Lem):

Dây 1: Ông D, bà N đóng hụi sống được 06 lần (từ lần khai thứ 1 - 29/3/2020 âm lịch, đến lần khai thứ 06 - 29/8/2020 âm lịch). Đến lần khai thứ 07 (ngày 29/9/2020 âm lịch) thì ông D, bà N hốt, ra lời 350.000 đồng, hốt được số tiền 15.100.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 14.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 07 lần (từ lần khai thứ 8 - 29/10/2020 âm lịch đến lần khai thứ 14 - 29/4/2021 âm lịch). Từ lần khai thứ 15 29/5/2021 âm lịch đến mãn hụi - 29/11/2021 âm lịch ông D, bà N không đóng hụi chết cho bà T 07 lần x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 7.000.000 đồng.

Dây 2: Ông D, bà N đóng hụi sống được 08 lần (từ lần khai thứ 1 - 29/3/2020 âm lịch, đến lần khai thứ 08 - 29/10/2020 âm lịch). Đến lần khai thứ 09 (ngày 29/11/2020 âm lịch) thì ông D, bà N hốt, nhưng không hốt được, do có người hốt nên bà T đã bỏ tiền ra để châu hụi cho ông D, bà N, lần khai này ra lời 220.000 đồng, hốt được số tiền 17.360.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 16.860.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 05 lần (từ lần khai thứ 10 - 29/12/2020 âm lịch đến lần khai thứ 14 - 29/4/2021 âm lịch). Từ lần khai thứ 15 - 29/5/2021 âm lịch đến mãn hụi - 29/11/2021 âm lịch ông D, bà N không đóng hụi chết cho bà T 07 lần x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 7.000.000 đồng.

Dây 3: Ông D, bà N đóng hụi sống được 05 lần (từ lần khai thứ 1 - 29/3/2020 âm lịch, đến lần khai thứ 05 - 29/7/2020 âm lịch). Đến lần khai thứ 06 (ngày 29/8/2020 âm lịch) thì ông D, bà N hốt, nhưng không hốt được, do có người hốt nên bà T đã bỏ tiền ra để châu hụi cho ông D, bà N, lần khai này ra lời 320.000 đồng, hốt được số tiền 15.200.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 14.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong, ông D bà N có đóng hụi chết được 08 lần (từ lần khai thứ 7 - 29/9/2020 âm lịch) bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 7.000.000 đồng.

Dây 4: Ông D bà N đóng hụi sống được 07 lần (từ lần khai thứ 1 - 29/3/2020 âm lịch, đến lần khai thứ 07 - 29/9/2020 âm lịch). Đến lần khai thứ 08 (29/10/2020 âm lịch) thì ông D, bà N hốt, ra lời 300.000 đồng, hốt được số tiền 16.100.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 15.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 06 lần (từ lần khai thứ 9 - 29/11/2020 âm lịch đến lần khai thứ 14 - 29/4/2021 âm lịch). Từ lần khai thứ 15 - 29/5/2021 âm lịch đến mãn hụi - 29/11/2021 âm lịch ông D, bà N không đóng hụi chết cho bà T 07 lần x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 7.000.000 đồng.

Dây 5: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 29/6/2020 âm lịch có 21 phần, ông D, bà N tham gia 03 phần (để tên chị hai N và Lọ Lem):

Phần 1: Ông D, bà N đóng hụi sống được 01 lần (29/6/2020 âm lịch). Đến lần khai thứ 02 (29/7/2020 âm lịch) thì ông D, bà N hốt, nhưng không hốt được, do có người hốt nên bà T đã bỏ tiền ra để châu hụi cho ông D, bà N, lần khai này ra lời 600.000 đồng, hốt được số tiền 28.600.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng, còn lại 27.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 09 lần (từ lần khai thứ 3 - 29/8/2020 âm lịch đến lần khai thứ 11 - 29/4/2021 âm lịch). Từ lần khai thứ 12 - 29/5/2021 âm lịch đến mãn hụi - 29/3/2022 ông D, bà N không đóng hụi chết cho bà T 10 lần x 2.000.000 đồng =

20.000.000 đồng. Bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 20.000.000 đồng.

Phần 2: Ông D bà N đóng hụi sống được 06 lần (từ lần 01-29/6/2020 ã đến lần khui thứ 6 - 29/11/2020 ã). Đến lần khui thứ 07 (29/12/2020 ã) thì ông D, bà N hốt, nhưng không hốt được, do có người hốt nên bà T đã bỏ tiền ra để châu hụi cho ông D, bà N, lần khui này ra lời 820.000 đồng, hốt được số tiền 28.520.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng, còn lại 27.520.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 04 lần (từ lần khui thứ 8 – 29/01/2021 ã đến lần khui thứ 11-29/4/2021 ã). Từ lần khui thứ 12 – 29/5/2021 ã đến mãn hụi – 29/3/2022 ông D, bà N không đóng hụi chết cho bà T 10 lần x 2.000.000 đồng – 20.000.000 đồng, bà T phải bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho ông D, bà N, vì vậy ông D, bà N còn nợ bà T 20.000.000 đồng.

Phần 3: Ông D bà N đóng hụi sống được 09 lần (từ lần 01 - 29/6/2020 ã đến lần khui thứ 9 - 29/02/2021 ã). Đến lần khui thứ 10 (29/03/2021 ã) thì ông D, bà N hốt, ra lời 800.000 đồng, hốt được số tiền 31.200.000 đồng, trừ đầu thảo 1.000.000 đồng, còn lại 30.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong ông D bà N có đóng hụi chết được 01 lần (lần khui thứ 11 – 29/4/2021 ã). Từ lần khui thứ 12 – 29/5/2021 ã đến mãn hụi - 29/3/2022 ông D, bà N không đóng hụi chết. Sau khi mãn hết các dây hụi, bà T có đòi tiền hụi chết ông D, bà N nhiều lần nhưng ông D và bà N chỉ trả cho bà T được 05 lần, mỗi lần trả 2.000.000 đồng - 10.000.000 đồng.

Vì vậy ông D, bà N còn nợ lại bà T 78.000.000 đồng. bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Hữu D và bà Đoàn Thị N trả cho bà T số tiền nợ hụi còn thiếu là 78.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Dây 1 và dây 2 của hụi 1.000.000 đồng, bà T ghi tên chị hai N, còn dây 3 và dây 4 ghi tên Lọ L là con của bà N.

Dây hụi 2.000.000 đồng, bà T ghi tên chị hai Nhung 02 phần, 01 phần ghi tên Lọ L.

Việc ghi tên Lọ L là do sợ các hụi viên khác phân bì bà N tham gia nhiều phần quá. Việc ghi tên Lọ L có bà N đồng ý.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 44.000.000 đồng ở dây 3 và dây 4 của loại hụi tháng 1.000.000 đồng và phần hụi thứ 2 và 3 của loại hụi tháng 2.000.000 đồng (dây hụi 5), khi nào bà có đủ chứng cứ sẽ khởi kiện sau.

Các bị đơn ông Phạm Hữu D và bà Đoàn Thị N trình bày: Ông D và bà N chỉ thừa nhận có tham gia của bà T Dây 1 và dây 2 của hụi 1.000.000 đồng, mỗi dây còn nợ hụi chết 7.000.000 đồng x 2 dây = 14.000.000 đồng như bà T trình bày. Các dây hụi 1.000.000 đồng ở dây 3 và dây 4, ông D và bà N không có tham gia, trong danh sách hụi cũng không có ghi tên của bà N. Dây hụi 2.000.000 đồng (dây 5), ông D và bà N chỉ tham gia phần 1 như bà T trình bày, hiện còn nợ hụi chết là 20.000.000 đồng. Riêng phần 2 và 3 của dây hụi này ông D và bà N không có tham gia. Ông D và bà N không có yêu cầu bà T ghi tên hụi là Lọ L và cũng không tham gia hụi với tên trong danh sách hụi là Lọ L. Tổng số nợ hụi là 34.000.000 đồng, ông D và bà N đồng ý trả 3.000.000 đồng/tháng cho bà T cho đến khi hết số nợ.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với loại hụi 1.000.000 đồng ở dây 3 và dây 4; Phần 2 và 3 của dây hụi 2.000.000 đồng (dây 5), tổng số tiền là 44.000.000 đồng. Xét thấy việc rút trên là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà T cho rằng, bà là chủ hụi, vợ chồng ông D, bà N là hụi viên đã tham gia 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng (theo đơn khởi kiện là dây 1 và dây 2) mở cùng ngày 29/3/2020 âm lịch và Hụi tháng 2.000.000 đồng (dây 5) mở ngày 29/6/2020 âm lịch (theo đơn khởi kiện là tham gia ở phần 1).

Quá trình giao dịch hụi, vợ chồng ông D, bà N đã hót hụi nhưng đến khi hụi mãn vẫn còn nợ lại số tiền hụi chết là 34.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bên thống nhất số nợ hụi các bị đơn còn nợ nguyên đơn là 34.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử cho rằng, Hợp đồng góp hụi giữa bà T và ông D, bà N được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi, các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, khi không đóng hụi chết đầy đủ cho nguyên đơn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Đối với yêu cầu trả dần số nợ hụi 34.000.000 đồng nêu trên của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy thuộc lĩnh vực thi hành án nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông bà T và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 34.000.000 đồng x 5% = 1.700.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diễm T về việc yêu cầu các bị đơn ông Phạm Hữu D và bà Đoàn Thị N trả số tiền nợ hội là 44.000.000 đồng (loại hội 1.000.000 đồng ở dây 3 và dây 4; Phần 2 và 3 của dây hội 2.000.000 đồng (dây 5) như đơn khởi kiện).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diễm T.

Buộc các bị đơn ông Phạm Hữu D và bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Diễm T số tiền nợ hội là 34.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hữu D và bà Đoàn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.700.000 đồng.

Bà Đoàn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006149 ngày 24/7/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa